

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH LUẬT (CHUYÊN NGÀNH KIỂM SÁT) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC THEO CHUẨN NĂNG LỰC ĐẦU RA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI

VŨ ĐỨC HẠNH*

Tóm tắt: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật”. Một khâu trọng yếu trong quá trình đào tạo luật trình độ đại học là việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Bài viết trình bày ngắn gọn lý thuyết về đánh giá kết quả học tập của sinh viên, trên cơ sở đó đề xuất quy trình, nội dung và một số giải pháp nâng cao chất lượng đánh giá kết quả học tập của sinh viên luật (chuyên ngành kiểm sát) theo chuẩn năng lực đầu ra (gọi tắt là chuẩn đầu ra - CĐR) tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật.

Từ khóa: Đào tạo luật trình độ đại học, sinh viên luật, chuyên ngành kiểm sát, chuẩn năng lực đầu ra, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

Ngày nhận bài: 18/10/2023; Biên tập xong: 30/10/2023; Duyệt đăng: 25/11/2023

ASSESSING LEARNING OUTCOMES OF LAW STUDENTS (MAJORING IN PROSECUTION) AT UNIVERSITY-LEVEL IN HANOI PROCURATORATE UNIVERSITY ACCORDING TO OUTPUT COMPETENCE STANDARDS

Abstract: Resolution No. 27-NQ/TW dated November 9, 2022 of the Sixth Conference of the 13th National Party Congress on continuing to build and perfect the law-governed socialist State of Vietnam in the new phase identifies one of the key tasks as “improving the quality of legal human resources”. An important step in the university-level law training process is the assessment of student learning outcomes. The article presents some concepts about assessing student learning outcomes, and on that basis, proposes content and methods to assess learning outcomes of law students (major in prosecution) according to output competency standards (referred to as output standards) at Hanoi Procuratorate University, contributing to the quality improvement of legal human resources.

Keywords: University-level training, law students, prosecution major, output competency standards, Hanoi Procuratorate University.

Received: Oct 18th, 2023; Editing completed: Oct 30th, 2023; Accepted for publication: Nov 25th, 2023

1. Khái niệm đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo chuẩn đầu ra

Trong khoa học giáo dục hiện nay, khái niệm đánh giá kết quả học tập được

định nghĩa ở nhiều góc độ khác nhau. Trong phạm vi của bài viết, tác giả xin nêu ra một số quan điểm có tính đại diện, cụ thể như sau:

Một số quan điểm ở ngoài nước: Theo tác giả Ralph Tyler, nhà giáo dục và tâm lý học

** Email: Hanhvd1977@gmail.com*

Tiến sĩ, Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

¹ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới

nổi tiếng của Mỹ: “Quá trình đánh giá kết quả học tập chủ yếu là quá trình xác định mức độ thực hiện các mục tiêu trong quá trình dạy học”². Theo Tổ chức đảm bảo chất lượng Giáo dục Đại học của Anh (QAA): Đánh giá kết quả học tập là việc thiết lập một quá trình đo kết quả học tập của sinh viên về các mặt kiến thức đạt được nhằm đánh giá, cung cấp phương pháp, phương tiện để xếp hạng sinh viên. Đánh giá giúp đưa ra quyết định về việc sinh viên có sẵn sàng học tiếp hay không, có xứng đáng nhận học bổng hay phần thưởng không, hoặc chứng minh năng lực hành nghề của sinh viên. Đánh giá kết quả học tập còn cung cấp cho sinh viên sự phản hồi về việc học của họ và giúp họ nâng cao thành tích của mình. Nó cũng giúp đánh giá hữu hiệu việc dạy của giáo viên³. Theo Walvoord và Anderson: Đánh giá kết quả học tập là hệ thống tổng hợp, phân tích thông tin để hoàn thiện việc học tập của sinh viên⁴.

Một số quan điểm ở trong nước: Theo tác giả Hoàng Đức Nhuận và Lê Đức Phúc: “Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của sinh viên, về tác động và nguyên nhân của tình hình đó nhằm tạo cơ sở cho những quyết định sự phạm của giáo viên và nhà trường, cho bản thân sinh viên để họ học tập ngày một tiến bộ hơn”⁵. Theo Trần Kiều: “Có thể coi đánh giá kết quả học tập của

sinh viên là xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên đối chiếu với mục tiêu chương trình môn học”⁶. Cùng quan điểm này, tác giả Nguyễn Thị Thúy An cho rằng: “Đánh giá kết quả học tập là xác định mức độ nắm được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của sinh viên so với mục tiêu, yêu cầu của chương trình đề ra. Kết quả của việc đánh giá được thể hiện chủ yếu bằng điểm số theo thang điểm quy định. Việc đánh giá kết quả học tập có tác dụng khẳng định và công nhận những thành quả đã đạt được và định hướng mục tiêu cần phấn đấu trong tương lai”⁷.

Như vậy, các quan điểm nêu trên đều có điểm chung là mục tiêu của đánh giá kết quả học tập của sinh viên là xác định khả năng thực hiện mục tiêu học tập của sinh viên, là cơ sở để giảng viên, sinh viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy, học tập để việc dạy và học ngày càng tốt hơn.

Hiện nay, ở nước ta, các cơ sở giáo dục đại học đã và đang tiếp cận thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên trên cơ sở CDR theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Đánh giá kết quả học tập của sinh viên phải dựa trên CDR, phải làm rõ mức độ đạt được của sinh viên theo các cấp độ tư duy quy định trong CDR của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của sinh viên, cải tiến chương trình đào tạo

² Herbert J Walberg, Geneva D Haertel (edited) (1990), *The International Encyclopedia of Educational Evaluation*, Pergamon Press, USA

³ Quality Assurance Agency for Higher Education (QAA) (2006), *Code of practice for the assurance of academic quality and standards in higher education – Section 6: Assessment of student*.

⁴ Analytic Quality Glossary, *Assessment of student learning*.

⁵ Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc (2008), *Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông*, Chương trình khoa học cấp nhà nước KX-07-08, Hà Nội.

⁶ Trần Kiều (Chủ biên), *Bước đầu đổi mới kiểm tra kết quả học tập các môn học của học sinh lớp 7*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004

⁷ Nguyễn Thị Thúy An (2016), *Đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục học của sinh viên Đại học Sư phạm theo tiếp cận năng lực*, Luận văn thạc sĩ, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.

và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo”⁸. Đây cũng là hướng tiếp cận của tác giả trong việc đề xuất những biện pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành luật (chuyên ngành kiểm sát) trình độ đại học theo CĐR tại Trường trong thời gian tới. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, đánh giá kết quả học tập của sinh viên phải thực hiện trên cơ sở CĐR, đó là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của sinh viên sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của sinh viên khi tốt nghiệp⁹. Nội dung của CĐR đối với trình độ đào tạo đại học gồm: Kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; Kỹ năng có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn ứng với trình độ đào tạo đại học ngành luật¹⁰.

Thứ hai, đánh giá kết quả học tập của sinh viên không chỉ dừng lại ở mức độ sinh viên lĩnh hội được những tri thức, kỹ năng, thái độ gì mà còn xác nhận mức độ đạt được của sinh viên theo các cấp độ tư duy quy định trong CĐR của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo (CTĐT).

Thứ ba, đánh giá kết quả học tập của sinh viên không nhằm mục đích phân hóa sinh viên, cũng không nhằm mục đích xếp hạng hay tuyển chọn sinh viên mà là cơ sở điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của sinh viên, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

Thứ tư, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện với hai hình thức là đánh giá quá trình (đánh giá ban đầu, đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ) và đánh giá tổng kết.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR như sau: *Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR là hoạt động của giảng viên trong đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để làm rõ mức độ đạt được của sinh viên theo các bậc tư duy quy định trong CĐR ở các cấp độ đã được cơ sở đào tạo công bố, trên cơ sở đó nhà quản lý, giảng viên, sinh viên kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của sinh viên, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.*

2. Một số yêu cầu đối với việc đánh giá giá kết quả học tập của sinh viên ngành luật (chuyên ngành kiểm sát) trình độ đại học theo chuẩn đầu ra tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

2.1. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR là những kết quả học tập của sinh viên đối với học phần, kỳ học và khóa học, được thể hiện thông qua các tiêu chí, công cụ đánh giá nhằm làm rõ mức độ đạt được của sinh viên theo các cấp độ tư duy quy định trong CĐR của

⁸ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

⁹ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tlđd.

¹⁰ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

mỗi học phần, thành phần và CTĐT. Nội dung đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành luật (chuyên ngành kiểm sát) trình độ đại học theo chuẩn đầu ra tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội phải bảo đảm các yêu cầu sau:

Thứ nhất, không chỉ căn cứ vào các loại năng lực mà sinh viên biết, hiểu, ứng dụng được mà trong một số tiêu chí còn yêu cầu các năng lực ở cấp độ tư duy cao hơn như tư duy phân tích tổng hợp, đánh giá sáng tạo.

Thứ hai, không đánh giá các tri thức, kỹ năng tách rời, riêng rẽ của từng học phần mà phải đánh giá sự tích hợp tri thức, kỹ năng của nhiều học phần có quan hệ với nhau. Không chỉ đánh giá các kiến thức lý thuyết mà các kiến thức phải liên hệ với thực tế, gắn với bối cảnh hoạt động nghề luật và khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý trong thực tiễn hoạt động nghề luật ở Việt Nam, đặc biệt là hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Thứ ba, sinh viên phải phân tích, tổng hợp có nhận xét, đánh giá những kiến thức học được và vận dụng chúng vào giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn của nghề luật chứ không đơn giản là tái hiện lại kiến thức, kỹ năng nào. Nội dung đánh giá phải được gắn với ngữ cảnh giả định hoặc thực tế đời sống pháp lý để sinh viên thể hiện năng lực của mình một cách tốt nhất.

2.2. Xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo chuẩn đầu ra

Cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CDR là

những năng lực cần phát triển cho sinh viên ngành luật (chuyên ngành kiểm sát). Trên cơ sở khung CDR của CTĐT ngành luật (chuyên ngành kiểm sát) trình độ đại học tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, giảng viên cần đưa ra các tiêu chuẩn phát triển các năng lực cốt lõi cho sinh viên ngành luật (chuyên ngành kiểm sát) trình độ đại học tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội như sau:

Tiêu chuẩn 1: Phát triển các năng lực chung bao gồm:

Thứ nhất, năng lực tư duy phân tích: Là năng lực phân chia thông tin/sự vật hiện tượng/khái niệm liên quan đến đối tượng nghiên cứu của các học phần thành những bộ phận cấu thành và chỉ ra mối quan hệ giữa các bộ phận với cái tổng thể và giữa các bộ phận với nhau để hiểu sâu hơn về từng bộ phận của thông tin/sự vật hiện tượng/khái niệm để từ đó rút ra kết luận.

Thứ hai, năng lực tư duy tổng hợp: Là năng lực phát hiện ra mối quan hệ giữa các bộ phận riêng lẻ, tách rời về nhà nước, pháp luật, các đối tượng nghiên cứu khác mà sinh viên phải tích lũy trong các học phần và hợp nhất/thống nhất các bộ phận rời rạc của sự vật hiện tượng/đối tượng lại với nhau thành một chỉnh thể (mô hình/cấu trúc) mới.

Thứ ba, năng lực tư duy đánh giá, nhận xét (phản biện, tranh luận): Là năng lực thể hiện ở sự phân tích và đánh giá một vấn đề - hiện tượng liên quan nghề luật theo quan điểm/ý kiến khác nhau và đưa ra những lập luận làm sáng tỏ cho các quan điểm/ý kiến đó nhằm làm rõ bản chất vấn đề, hiện tượng liên quan nghề luật và đưa ra quan điểm riêng/ý kiến riêng của cá nhân về vấn đề đó.

Thứ tư, năng lực chứng minh một cách logic: Là năng lực sử dụng các chứng cứ, căn cứ pháp lý, lập luận chặt chẽ làm sáng tỏ cho một nhận định về tình huống pháp lý hoặc một vấn đề nghiên cứu cụ thể có liên quan đến ngành luật.

Thứ năm, năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết: Là năng lực biểu đạt rõ ràng và mạch lạc ý nghĩ, tình cảm của mình bằng lời nói cũng như chữ viết. Năng lực này hết sức cần thiết và quan trọng, vì ngôn ngữ là phương tiện dùng để thực hành nghề luật.

Thứ sáu, năng lực thu thập và xử lý thông tin: Là năng lực tập hợp, khai thác các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động nghề luật, qua các thông tin thu được, chọn lọc những thông tin giá trị phục vụ việc giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn của nghề luật.

Thứ bảy, năng lực hợp tác, làm việc nhóm: Là khả năng hợp tác, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm để giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ học tập, đồng thời học hỏi kinh nghiệm giữa các cá nhân.

Thứ tám, năng lực tự học: Là sinh viên tự đề ra các mục tiêu học tập và tự lựa chọn cách thức, phương tiện học tập, tự tổ chức hoạt động học cũng như tự đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ học tập đã đề ra. Việc hình thành và phát triển năng lực tự học cho sinh viên là vô cùng cần thiết, bởi lẽ nó thúc đẩy tính tích cực, tự giác, chủ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của sinh viên trong quá trình học tập cũng như trong quá trình hành nghề luật.

Tiêu chuẩn 2: Phát triển năng lực thực hiện nghề luật bao gồm:

Thứ nhất, năng lực nghiên cứu văn bản pháp luật: Phải có khả năng nghiên cứu, phân tích tổng hợp nội dung văn bản pháp luật, án lệ.

Thứ hai, năng lực thực tế: Phải nắm được kiến thức thực tế hoạt động hành nghề luật nói chung, hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp nói riêng (thực tiễn áp dụng pháp luật).

Thứ ba, năng lực phân tích, đánh giá tình huống pháp lý thực tiễn: Phải có khả năng phân tích, đánh giá chính xác, toàn diện, khách quan và trong mối liên hệ mật thiết với nhau về các tình tiết trong tình huống pháp lý thực tiễn.

Thứ tư, năng lực ban hành các văn bản áp dụng pháp luật: Phải có khả năng soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật đối với từng tình huống pháp lý hoặc trong quá trình giải quyết một tình huống pháp lý đó (hợp đồng, văn bản tố tụng, văn bản hành chính, bản án, quyết định...).

Thứ năm, năng lực giải quyết nhiệm vụ chuyên môn: Có khả năng vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để tự mình hoặc hướng dẫn người khác giải quyết được các vấn đề chuyên môn của nghề luật hoặc tự mình lập kế hoạch, quản lý nguồn lực, đánh giá và cải thiện có hiệu quả hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nghề luật và chịu trách nhiệm các nhân trước pháp luật, trước tổ chức về việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Tiêu chuẩn 3: Phát triển năng lực về phẩm chất, thái độ bao gồm:

Thứ nhất, phẩm chất, thái độ của công dân: Trung thành với Tổ quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân và phục vụ nhân dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, chuyên nghiệp và chủ động.

Thứ hai, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp: Sinh viên phải hiểu những quy tắc đạo đức nghề nghiệp của nghề luật và có khả năng vận dụng thực hiện trong thực tiễn hành nghề; có khả năng thể hiện được quan điểm kiên quyết đấu tranh với cái sai, đấu tranh bảo vệ công lý và quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Thứ ba, phẩm chất và bản lĩnh chính trị: Sinh viên phải có năng lực phân tích, đánh giá được tính đúng đắn về các chủ trương, chính sách của Đảng trong lãnh đạo Nhà nước và xã hội; có khả năng thể hiện quan điểm cá nhân tin tưởng với lý tưởng cách mạng và sự lãnh đạo của Đảng, kiên quyết phản bác những luận điệu của thế lực thù địch vấn đề chính trị, xã hội của đất nước đi ngược với mục tiêu độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá, giảng viên tiến hành xác định các tiêu chí đánh giá để xác định mức độ đạt chuẩn năng lực mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành học phần, sau khi tốt nghiệp.

2.3. Sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

Trong giảng dạy các học phần có nhiều nội dung, giảng viên có thể sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập với nhau hoặc kết hợp các

phương pháp, hình thức đánh giá với các phương pháp hình thức tổ chức dạy học khác nhau.

Phương pháp quan sát là phương pháp quan trọng trong đánh giá thái độ học tập của sinh viên. Nếu quan sát kết hợp với đánh giá thông qua hồ sơ học tập, kết quả tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên thì sẽ là căn cứ để đánh giá định tính.

Phương pháp kiểm tra vấn đáp cung cấp những thông tin ngược cho giảng viên ngay trong quá trình dạy học một cách kịp thời, qua đó giảng viên nắm bắt được tình hình học tập của sinh viên một cách cập nhật thông qua câu trả lời của họ. Theo đó, giảng viên điều chỉnh phương pháp dạy của mình cũng như giúp sinh viên điều chỉnh phương pháp học hiệu quả hơn. Vấn đáp có thể sử dụng thường xuyên trong các buổi lên lớp hằng ngày hoặc kết hợp với các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học khác nhau.

Giảng viên có thể kết hợp các phương pháp đánh giá như bài kiểm tra tự luận ngắn, trắc nghiệm khách quan kết hợp với các bài kiểm tra thực hành hoặc bài tập thực hành trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập cho sinh viên. Việc sử dụng các bài kiểm tra viết dạng tự luận ngắn, trắc nghiệm khách quan kết hợp kiểm tra thực hành giúp sinh viên giảm bớt căng thẳng, áp lực, giảm bớt tình trạng gian lận trong kiểm tra.

Các dạng bài tập thực hành rất đa dạng được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như thuyết trình, làm việc nhóm, đóng vai, thực tế,... Sử dụng các bài tập thực hành thông qua các phương pháp,

hình thức tổ chức dạy học, kết hợp với các phương pháp đánh giá như trắc nghiệm khách quan, bài kiểm tra viết tự luận sẽ giúp việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được toàn diện hơn.

Như vậy, việc sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức đánh giá năng lực trong đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên vừa giúp hình thành và phát triển các năng lực của họ, vừa đánh giá việc thể hiện các năng lực đó.

2.4. Xây dựng công cụ đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Công cụ để đánh giá kết quả học tập của sinh viên có thể là bài kiểm tra viết tự luận, bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan, hệ thống các câu hỏi vấn đáp,... Tuy nhiên, những công cụ đánh giá này chưa đánh giá được toàn diện kết quả học tập của người theo CDR. Để đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CDR có hiệu quả thì giảng viên cần sử dụng kết hợp nhiều công cụ đánh giá khác nhau, trong đó điển hình là sử dụng hệ thống bài tập thực hành, hồ sơ học tập.

a) Hệ thống bài tập thực hành bao gồm các dạng sau:

Bài tập thực hành có tính chất lý thuyết: Nhằm giúp sinh viên củng cố hệ thống tri thức lý thuyết đã học, đồng thời là một phương tiện bồi dưỡng cho sinh viên các năng lực tư duy, suy luận. Giảng viên có thể sử dụng đan xen như thi tổ chức cho sinh viên lĩnh hội tri thức mới hoặc trong các giờ thảo luận. Thông qua bài tập thực hành có tính chất lý thuyết, giảng viên có thể đánh giá được các năng lực của sinh viên như năng lực

tư duy, năng lực ngôn ngữ và năng lực trình bày một cách logic.

Bài tập thực hành rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn: Đây là loại bài tập đòi hỏi sinh viên rút ra được những kinh nghiệm hành nghề luật, phát triển các năng lực chung cũng như các năng lực hành nghề luật. Loại bài tập này có thể được sử dụng trong các bài học trên lớp, bài đánh giá cuối kì, các hoạt động ngoại khóa,...

Bài tập thực hành giải quyết các tình huống pháp lý: Đây là loại bài tập nhằm vận dụng những tri thức lý thuyết để giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn hành nghề luật, giúp sinh viên phát triển các năng lực như giao tiếp, ứng xử, khả năng phán đoán, lập luận, phân tích, giải quyết vấn đề... Để giải quyết các bài tập này, sinh viên ngoài việc nắm vững hệ thống tri thức lý luận thì phải chủ động quan sát các tình huống trong thực tiễn, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, đồng thời tìm kiếm và tham khảo các nguồn tài liệu và tự luyện tập.

Khi xây dựng các bài tập thực hành, bên cạnh việc chú ý lựa chọn nội dung, hình thức bài tập cho phù hợp để đánh giá các năng lực, giảng viên cần quan tâm đến tính khả thi, phù hợp với thực tiễn pháp lý của bài tập và phải xác định được các mục tiêu về năng lực để đánh giá.

b) Bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần:

Bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần có thể sử dụng hai bài thi bao gồm: một bài thi tự luận và một bài tập thực hành. Để xác định được mức độ năng lực đạt được của sinh viên thì các câu hỏi trong bài thi phải được xây dựng sao cho

tập trung vào đánh giá sự vận dụng kiến thức, kỹ năng của sinh viên để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra. Tuy nhiên, vì bài thi có tính chất quan trọng nên khi xây dựng cần chú ý: (1) Bài thi phải tập trung vào đánh giá những năng lực cốt lõi, trọng tâm của các học phần. (2) Câu hỏi phải rõ ràng, chính xác, dễ hiểu, hợp lý về thời gian và độ khó. (3) Phải cân đối giữa các nội dung cần đánh giá. (4) Cần xác định được những mục tiêu về năng lực cần đánh giá ở sinh viên.

c) Hồ sơ học tập:

Hồ sơ học tập là minh chứng để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên trong quá trình học tập môn học, là cơ sở để giảng viên đánh giá và cũng là công cụ cần thiết trong quá trình thực hiện tự đánh giá của sinh viên. Hồ sơ học tập bao gồm: Hồ sơ tiến bộ; hồ sơ quá trình; hồ sơ mục tiêu; hồ sơ thành tích.

2.5. Tổ chức cho sinh viên tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của sinh viên

Biện pháp này yêu cầu giảng viên tổ chức cho sinh viên xây dựng các tiêu chí tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, hướng dẫn và tổ chức cho sinh viên thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Sinh viên phải thể hiện thái độ tự giác, tích cực, chủ động, có trách nhiệm, nghiêm túc trong tự đánh giá và đánh giá bạn học.

Để thực hiện tốt việc kết hợp này, giảng viên là người giữ vai trò quan trọng và cần chú ý: Dành nhiều thời gian cho việc xây dựng các tiêu chí cũng như tổ chức cho sinh viên thực hiện tự đánh

giá và đánh giá lẫn nhau; xây dựng các bài kiểm tra, mẫu phiếu học tập cụ thể, rõ ràng; thường xuyên trao đổi với sinh viên để sinh viên nhận ra những điểm mạnh, yếu, những gì đã làm được và chưa làm được để rút kinh nghiệm và tìm cách khắc phục; khuyến khích sự nỗ lực của sinh viên để giúp họ tích cực, tự giác và có ý thức trách nhiệm trong việc tự đánh giá bản thân và đánh giá bạn cùng lớp. Thực tiễn có rất nhiều công cụ đã và đang được sử dụng để đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo CĐR. Tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung của đánh giá mà giảng viên lựa chọn, sử dụng những công cụ đánh giá khác nhau cho phù hợp. Mỗi loại công cụ đánh giá có những ưu điểm và hạn chế nhất định nên giảng viên phải biết lựa chọn và sử dụng các bộ công cụ đánh giá cho phù hợp để nâng cao chất lượng đánh giá cũng như nâng cao chất lượng dạy và học.

Tóm lại, đánh giá kết quả học tập sinh viên ngành luật (chuyên ngành kiểm sát) trình độ đại học theo CĐR tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội sẽ cung cấp cho giảng viên, sinh viên và nhà quản lý những thông tin về mức độ đạt chuẩn năng lực của sinh viên so với CĐR. Từ đó, giảng viên, sinh viên và nhà quản lý có thể kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của sinh viên, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới./.